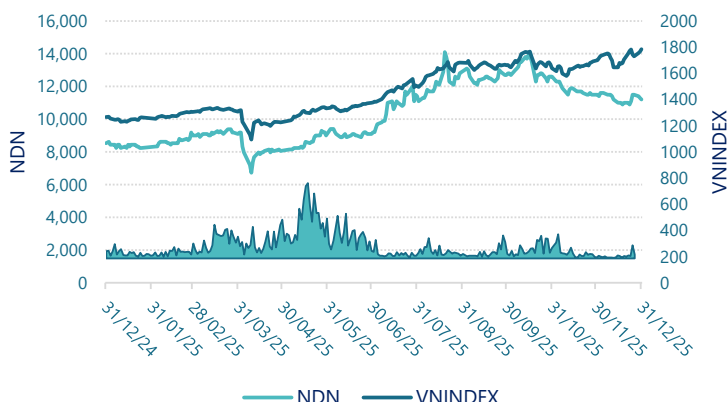


CTCP Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng (HNX: NDN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,726
SL cổ phiếu LH	71,657,936
KLGD BQ 20 phiên (CP)	177,620
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	803
P/E	4.7
EPS	2,358

DT thuần

Q4/25

6.57

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.64 | -28.7%

YoY: ▼1.32 | -16.7%

LN sau thuế

Q4/25

23.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▼47.3 | -66.8%

YoY: ▲ 29.1 | 522%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

716%

+/- YoY: ▲ 633%

DT thuần

2025

26.6

tỷ VNĐ

YoY: ▼29.0 | -52.2%

LN sau thuế

2025

169

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 133 | 366%

ROE

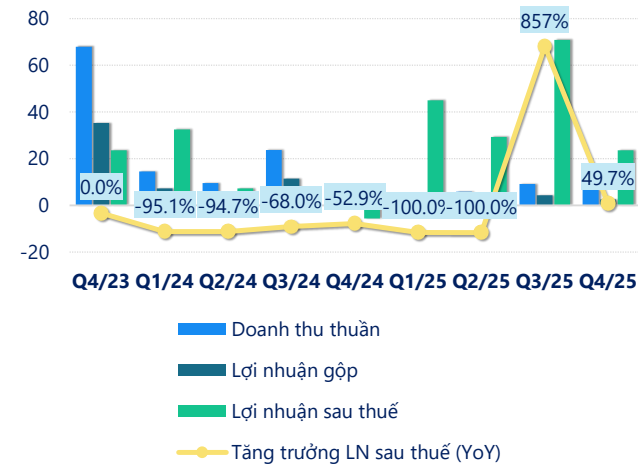
2025

14.5%

+/- YoY: ▲ 11.2%

tỷ VNĐ

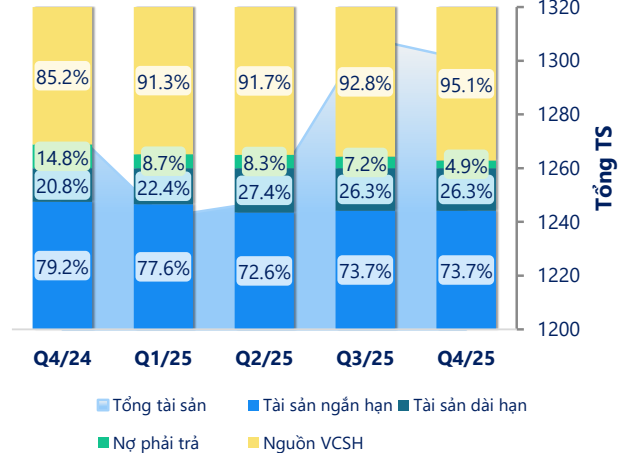
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

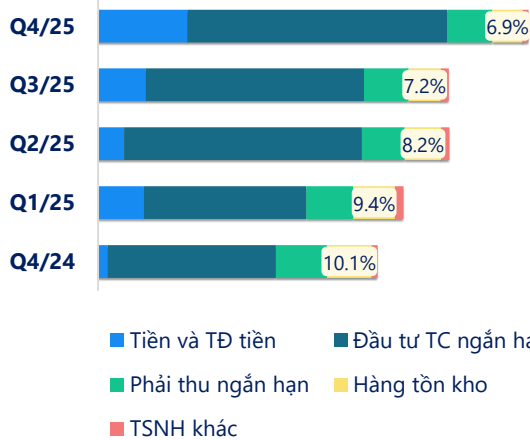
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



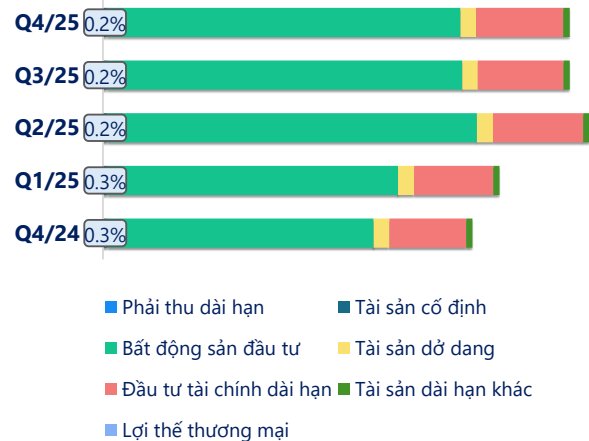
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

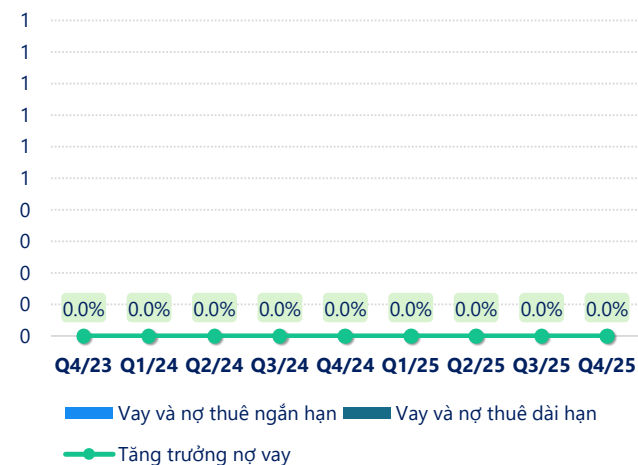
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

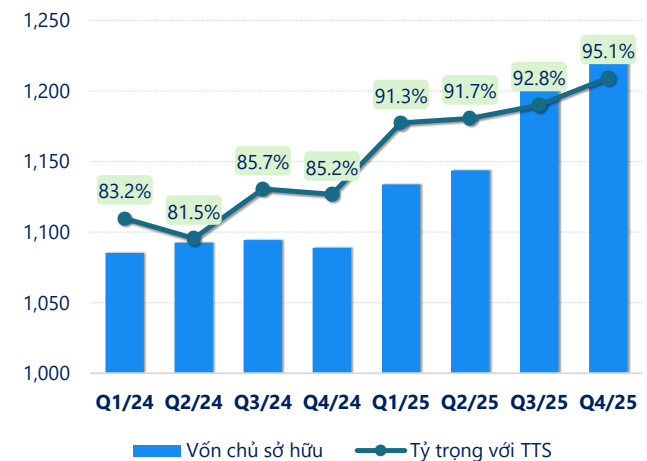
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

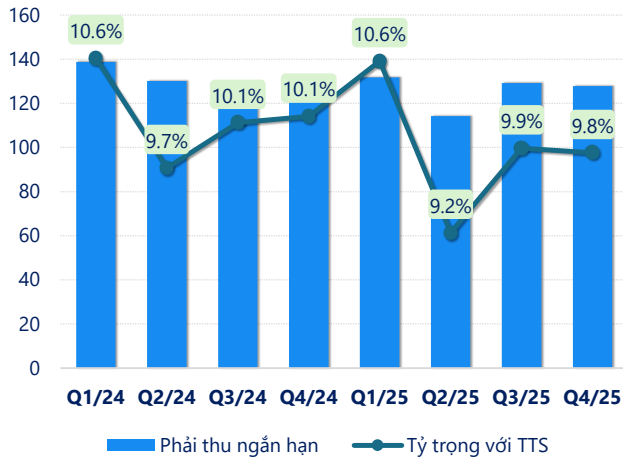
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

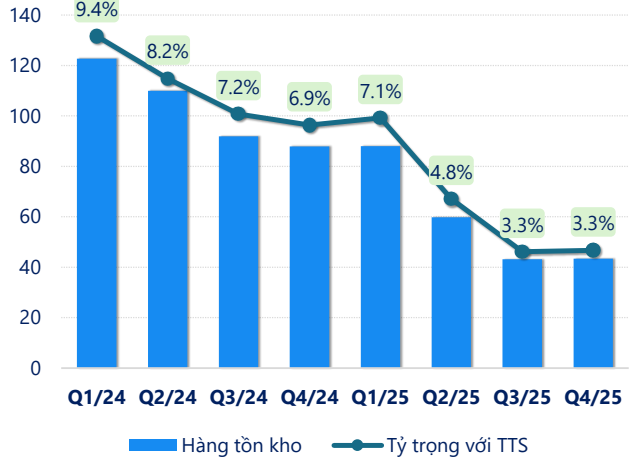
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

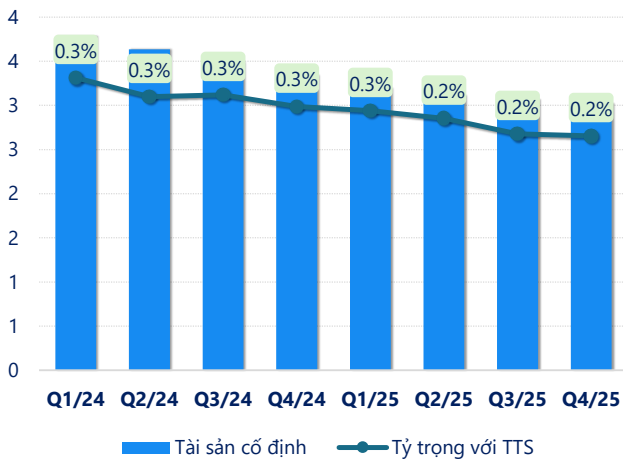
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

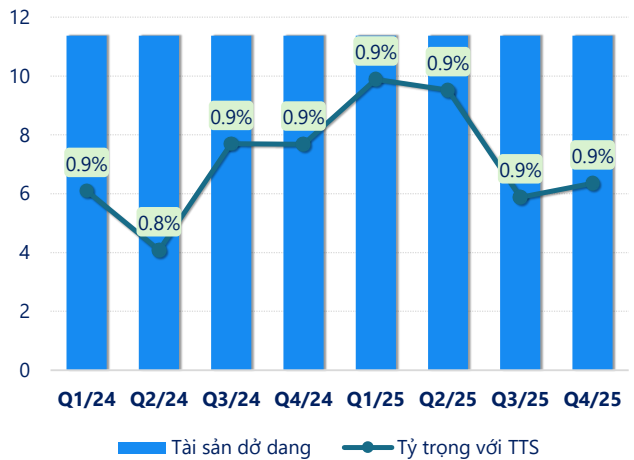
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

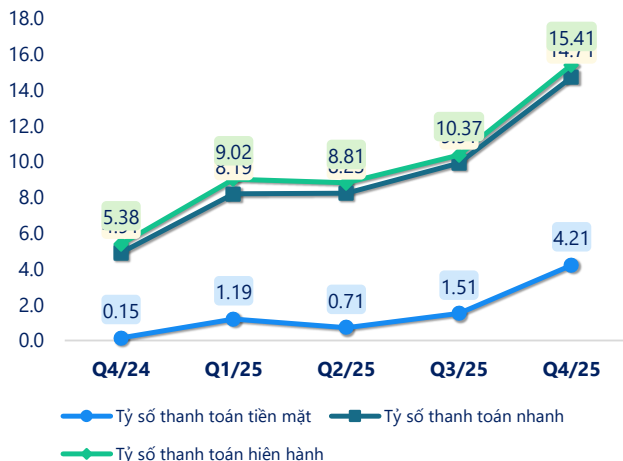
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



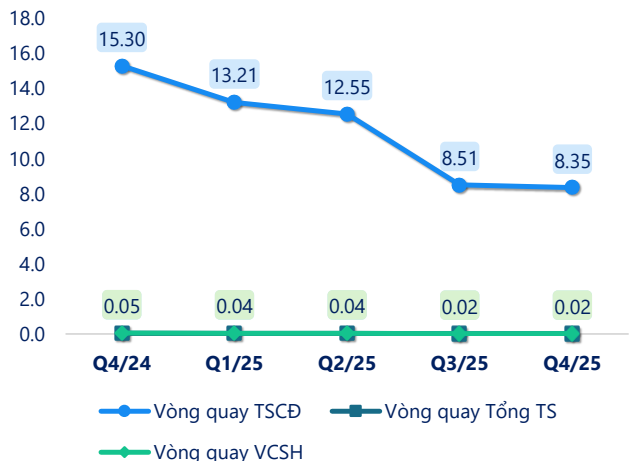
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,278	1,242	1,248	1,309	1,300
Tài sản ngắn hạn	1,011	964	905	964	958
Tiền và tương đương tiền	27.4	128	73.2	140	262
Đầu tư tài chính ngắn hạn	750	600	642	637	511
Phải thu ngắn hạn	130	132	114	129	128
Hàng tồn kho	87.9	88.0	59.9	43.2	43.4
Tài sản ngắn hạn khác	16.5	16.0	15.8	14.5	14.1
Tài sản dài hạn	266	278	342	345	342
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	3.34	3.19	3.11	3.07	3.02
Bất động sản đầu tư	192	203	260	262	259
Tài sản dở dang	11.4	11.4	11.4	11.4	11.4
Đầu tư tài chính dài hạn	55.4	55.3	63.3	63.3	64.1
Tài sản dài hạn khác	4.38	4.45	4.53	4.53	4.75
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	189	108	104	94.0	63.4
Nợ ngắn hạn	188	107	103	93.0	62.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	48.0	46.3	46.3	43.6	18.4
Nợ dài hạn	1.10	1.19	1.13	1.05	1.26
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,089	1,134	1,144	1,215	1,237
Vốn chủ sở hữu	1,089	1,134	1,144	1,215	1,237
Vốn điều lệ	717	717	717	717	717
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)